

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ MÔI TRƯỜNG XUẤT NHẬP KHẨU
KIM LÊ

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ MÔI TRƯỜNG XUẤT NHẬP KHẨU KIM LÊ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: KIM LE IMPORT EXPORT ENVIRONMENT INVESTMENT TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: KIM LE INVEST CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0107940140

3. Ngày thành lập: 01/08/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 178 ngõ 26 tổ 5 Phố Đa Sỹ, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ quảng cáo bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản.	6820
2.	Hoạt động cấp tín dụng khác Chi tiết: Dịch vụ cầm đồ	6492
3.	Dịch vụ đóng gói	8292
4.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
5.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
6.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
7.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	0910
8.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác	0990
9.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
10.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
11.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
12.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
13.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
14.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn Chi tiết: Sản xuất mật ong nhân tạo và kẹo	1075
15.	Khai thác gỗ	0221
16.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0222
17.	Khai thác và thu gom than cứng	0510

18.	Khai thác và thu gom than non	0520
19.	Khai thác dầu thô	0610
20.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
21.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
22.	Bán buôn gạo	4631
23.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
24.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
25.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh	4649(Chính)
26.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
27.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
28.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
29.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
30.	Quảng cáo	7310
31.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ vàng, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
32.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
33.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
34.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
35.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
36.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô;	4932

37.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại	4669
38.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
39.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
40.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
41.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
42.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
43.	Sản xuất rượu vang	1102
44.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
45.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
46.	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	2420
47.	Đúc sắt, thép	2431
48.	Đúc kim loại màu	2432
49.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
50.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
51.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
52.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
53.	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	3520
54.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
55.	Khai thác quặng sắt	0710
56.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
57.	In ấn	1811
58.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
59.	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế	1920
60.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
61.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
62.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
63.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
64.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
65.	Tái chế phế liệu	3830
66.	Xây dựng nhà các loại	4100
67.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
68.	Phá dỡ	4311
69.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
70.	Bán buôn thực phẩm	4632
71.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
72.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740

73.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
74.	Thu gom rác thải độc hại	3812
75.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
76.	Xây dựng công trình công ích	4220
77.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
78.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
79.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
80.	Giáo dục nghề nghiệp	8532
81.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao) Chi tiết: Dịch vụ tắm hơi, massage, tắm nắng, thẩm mỹ không dùng phẫu thuật (đánh mỡ bụng, làm thon thả thân hình...)	9610
82.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
83.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
84.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
85.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý, môi giới	4610
86.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
87.	Bán buôn đồ uống	4633
88.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
89.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
90.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)	4659
91.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
92.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
93.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hàng may mặc trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ giày dép trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
94.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
95.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
96.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210

97.	Bốc xếp hàng hóa	5224
98.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;	8299
99.	Cho thuê xe có động cơ	7710
100.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
101.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
102.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630

6. Vốn điều lệ: 6.500.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	VŨ THÚY AN	Thôn Phú Xuân, Xã Liễn Sơn, Huyện Lập Thạch, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam	325.000.000	5,000	135539456	
2	LÊ VIỆT HOÀNG	A2, Số 96, Tập thể nhà máy in quân đội, Tổ dân phố số 6, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	5.850.000.000	90,000	001082001415	
3	NGUYỄN VĂN DŨNG	Xóm 4, Xã Thượng Lâm, Huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	325.000.000	5,000	B4360871	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ VIỆT HOÀNG

Giới tính: Nam

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 12/07/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 001082001415

Ngày cấp: 21/11/2016

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *A2, Số 96, Tập thể nhà máy in quân đội, Tổ dân phố số 6, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *A2, Số 96, Tập thể nhà máy in quân đội, Tổ dân phố số 6, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội